TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2019/HNGĐ-ST
Ngày 24/4/2019
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Lê Quế Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Vân;

Bà Nguyễn Thị Loan.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đặng Nhật Trường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 24 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 34/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Văn D, sinh năm: 1969; (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp HT, xã H, huyện C, tỉnh T.

- *Bị đơn:* Bà Lê Kim N, sinh năm: 1976; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp HT, xã H, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 20/11/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Huỳnh Văn D trình bày:

Ông và bà Lê Kim N kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh TN cấp giấy chứng nhận kết hôn số 33 ngày 05/10/2015, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10/2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà N đã quen biết người khác và cho rằng đã không còn tình cảm với ông D nên vợ chồng ông bà đã ly thân từ thời gian đó cho đến nay, vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà N.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà Lê Kim N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp và thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà N vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về việc ông D xin ly hôn với bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Huỳnh Văn D có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn bà Lê Kim N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp và thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà N vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bà N, ông D.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, ông D yêu cầu được ly hôn với bà N nên đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do bị đơn bà N có nơi cư trú tại huyện Cai Lậy nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, ông Huỳnh Văn D và bà Lê Kim N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh TN cấp giấy chứng nhận kết hôn số 33 ngày 05/10/2015 nên là hôn nhân hợp pháp. Ông D và bà N chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân ông D khai là do bà N đã quen biết người khác và bà N cũng cho rằng đã không còn tình cảm với ông, nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 10 năm 2018 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, ông D vẫn giữ nguyên ý kiến xin ly hôn, còn bà N thì không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình cũng không có ý kiến gì về việc ông D xin ly hôn với bà. Điều này cho thấy bà N đã không yêu thương, quan tâm và không có ý định hàn gắn tình cảm cũng như mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông D.

[4] Về con chung: Ông D xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Ông D xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Ông Huỳnh Văn D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn D: Cho ông Huỳnh Văn D được ly hôn với bà Lê Kim N.

2. Về án phí: Ông Huỳnh Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 16339 ngày 17/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy nên xem như thi hành xong.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ngô Lê Quế Thanh